BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Ngôn ngữ Nhật

Khoá học: 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 10 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Ngôn ngữ Nhật	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Khoa Ngoại ngữ	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-ngoai-ngu	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7220209	
Điều kiện tuyển sinh	
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. **- Phương thức tuyển sinh**: Thực hiện theo các phương thức tuyển sinh được Trường Đại học Phương Đông công bố trong Đề án tuyển sinh hằng năm, bao gồm xét tuyển theo kết quả học tập trung học phổ thông, xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và các phương thức tuyển sinh khác theo quy định của Nhà trường.	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	**Thời gian đào tạo**	**Hình thức đào tạo**	**Thời gian bắt đầu áp dụng**	**Phương thức đào tạo**

Cử nhân Ngôn ngữ Nhật	3,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Đào tạo trực tiếp tại các cơ sở của Nhà trường, kết hợp học tập trực tuyến và thực tập thực tế tại doanh nghiệp, tổ chức và các đơn vị liên quan.
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt, Tiếng Nhật				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt, Tiếng Nhật				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	03			**03**	
2	Phó giáo sư	05	01		**06**	
3	Tiến sĩ	10	01		**11**	
4	Thạc sĩ	50		05	**55**	
5	Cử nhân			01	**01**	
TỔNG CỘNG		**68**	**02**	**06**	**76**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Người học tốt nghiệp chương trình Cử nhân Ngôn ngữ Nhật tại Trường Đại học Phương Đông có thể đảm nhiệm đa dạng các vị trí công việc, đặc biệt thích hợp phát huy năng lực trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo như: Biên phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, quản lý, Nhân viên văn phòng, trợ lý giám đốc, nhân viên kinh doanh, chuyên viên nghiên cứu ngôn ngữ, giảng dạy trong các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu, các trường phổ thông, quốc tế, các cơ sở đào tạo tiếng Nhật, biên tập viên, nhân viên, thuyết minh tại các Viện bảo tàng…

- Đồng thời, người học có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn khi đáp ứng các yêu cầu chuyên môn theo quy định.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
- Triết lý giáo dục: Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật được triển khai theo triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, học đi đôi với hành, gắn đào tạo với thực tiễn sử dụng ngôn ngữ và giao lưu văn hóa, đồng thời khuyến khích đổi mới sáng tạo. Người học được tạo điều kiện phát triển kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp chuyên sâu, tư duy phản biện, năng lực biên - phiên dịch và khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa và sự hội nhập quốc tế. **- Chiến lược dạy - học:** Chú trọng kết hợp giữa lý thuyết ngôn ngữ và thực hành giao tiếp; tăng cường học tập qua tình huống, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trải nghiệm thực tế và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong học tập ngôn ngữ. Hoạt động đào tạo được gắn kết chặt chẽ

với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và môi trường nghề nghiệp thực tế nhằm giúp người học hình thành năng lực thực hành ngôn ngữ, khả năng tự học, học tập suốt đời và đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp, tư duy độc lập, khả năng thích ứng, đổi mới sáng tạo và học tập suốt đời; có năng lực sử dụng tiếng Nhật và vận dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa trong học tập, giao tiếp và hoạt động chuyên môn; đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:	
PLO 1	**Vận dụng** kiến thức giáo dục đại cương về khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề trong học tập, cuộc sống và hoạt động chuyên môn.
PLO 2	**Vận dụng** kiến thức ngôn ngữ và văn hóa để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiếng Nhật.
PLO 3	**Sử dụng** tiếng Nhật trong học tập, giao tiếp và hoạt động chuyên môn ở các bối cảnh khác nhau.
Kỹ năng:	
PLO 4	**Thực hiện** các nhiệm vụ chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau trên cơ sở vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn.
PLO 5	**Giải quyết** các vấn đề trong học tập và hoạt động chuyên môn thông qua phân tích thông tin và lập kế hoạch phù hợp.
PLO 6	**Vận dụng** ngoại ngữ thứ hai, công nghệ thông tin và kỹ năng giao tiếp để đáp ứng yêu cầu học tập và hoạt động chuyên môn.
PLO 7	**Thực hiện** hoạt động dịch nói và dịch viết giữa tiếng Nhật và tiếng Việt trong các lĩnh vực khác nhau.
PLO 8	**Thực hiện** hoạt động dịch nói và dịch viết giữa tiếng Nhật và tiếng Việt trong các lĩnh vực khác nhau.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	**Thể hiện** năng lực tự học, tự chủ và phát triển nghề nghiệp trong học tập và công việc.
PLO 10	**Thể hiện** trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức và khả năng thích ứng trong môi trường làm việc và xã hội.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Nhà trường và Khoa cũng có nhiều hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước:

  1. Trường Đại học Hà Nội
  2. Trường Đại học Tin học và Ngoại ngữ Thành phố Hồ Chí Minh

  + Nước ngoài:

  3. Đại học giao thông Thương Hải (Trung Quốc)
  4. Đại học Malaya (Malaysia)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 132 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	FOS723021	Ngữ pháp cơ sở 1	4	200	60	140			BB			
2	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	100		60			BB			
3	1	VNS710002	Tiếng Việt	2	100	30				BB			
4	2	FOS723001	Kỹ năng nghe - nói 1	4	200	60				BB			
5	2	FOS723011	Kỹ năng đọc - viết 1	4	200	60				BB			
6	2	FOS723022	Ngữ pháp cơ sở 2	4	200	60				BB			1
7	2	ITE710002	Khám phá AI	2	100		60			BB	2		
8	2	VNS710001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	100	30				BB			
9	3	FOS723002	Kỹ năng nghe - nói 2	4	200	60				BB			4
10	3	FOS723012	Kỹ năng đọc - viết 2	4	200	60				BB			5
11	3	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	100	30				BB			
12	3	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	150	45				BB			
13	3	SPO760001	Giáo dục thể chất	0						BB			
14	4	FOS710101	Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 1	3	150	45				BB			
	3	FOS710201	Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) 1	3	150	45				BB	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
	3	FOS710401	Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) 1	3	150	45				BB	Không		
15	4	FOS723003	Kỹ năng nghe - nói 3	4	200	60				BB			9
16	4	FOS723013	Kỹ năng đọc - viết 3	4	200	60				BB			10
17	4	FOS723023	Ngữ pháp TH trung cấp 1	3	150	45				BB			6
18	4	POL710002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	100	30				BB	12		12
19	5	FOS710102	Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 2	3	150	45				BB			14
	5	FOS710202	Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) 2	3	150	45				BB			14
	5	FOS710402	Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) 2	3	150	45				BB			14
20	5	FOS723024	Ngữ pháp TH trung cấp 2	2	100	30				BB			17
21	5	MIL760001	Giáo dục An ninh và Quốc Phòng	0						BB			
22	5	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	100	30				BB	18		18
23	5	VNS710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ	2	100	30				BB			
24	6	FOS710103	Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 3	3	150	45				BB			19
	6	FOS710203	Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) 3	3	150	45				BB			19
	6	FOS710403	Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) 3	3	150	45				BB			19
25	6	FOS723004	Kỹ năng nghe - nói 4	4	200	60				BB			15
26	6	FOS723014	Kỹ năng đọc - viết 4	4	200	60				BB			16

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
27	6	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	100	30				BB	22		22
28	7	FOS710006	Khởi nghiệp	3	150	45				BB			
29	7	FOS723005	Kỹ năng nghe - nói 5	4	200	60				BB			25
30	7	FOS723015	Kỹ năng đọc - viết 5	4	200	60				BB			26
31	7	FOS723025	Ngữ pháp trung cao cấp	2	100	30				BB			20
32	7	POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	100	30				BB	27		27
33	8	FOS733001	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	100	30				BB			
34	8	FOS733011	Dịch nói 1	4	200	60				BB			
35	8	FOS733021	Dịch viết 1	4	200	60				BB			
36	8	FOS733211	Tiếng Nhật thương mại (tự chọn)	2	100	30				TC			
37	8	FOS733212	Đất nước học	2	100	30				BB			
38	8	FOS733214	Tiếng Nhật du lịch (tự chọn)	2	100	30				TC			
39	8	VNS710003	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	100	30				BB			
40	9	FOS733012	Dịch nói 2	4	200	60				BB			34
41	9	FOS733022	Dịch viết 2	4	200	60				BB			35
42	9	FOS733111	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2	100	30				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
43	9	FOS733112	Từ vựng học tiếng Nhật	2	100	30				BB			
44	9	FOS733213	Văn học Nhật Bản	2	100	30				BB			
45	10	FOS743311	Chuyên đề tốt nghiệp	4	200				180	BB			
46	10	FOS753411	Khóa luận tốt nghiệp	8	400		240			BB			
47	10	FOS773013	Dịch nói 3 (Học phần thay thế KLTN)	4	200	60				BB			40
48	10	FOS773023	Dịch viết 3 (Học phần thay thế KLTN)	4	200	60				BB			41

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật,

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cốt lõi về văn hóa Việt Nam. *Ở cấp độ cơ bản*, sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng về văn hóa Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử. *Ở cấp độ nâng cao*, sinh viên hiểu rõ về cấu trúc văn hóa Việt Nam, sự hình thành hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán… của dân tộc Việt Nam ở các vùng miền khác nhau; hiểu được sự tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hóa của các dân tộc anh em trên cùng lãnh thổ Việt Nam. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên có kiến thức và kỹ năng để hiểu rõ về văn hoá lịch sử, văn hoá địa phương, nghiên cứu văn hóa và các học phần liên văn hóa… hiệu quả hơn.
8	Tiếng Việt	2	Học phần Tiếng Việt cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt phục vụ cho việc học ngôn ngữ. *Ở cấp độ cơ bản*, sinh viên có khả năng hệ thống hóa được các nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt ở các cấp độ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và văn bản tiếng Việt hoàn chỉnh để sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo. *Ở cấp độ nâng cao*, học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận diện, phân loại và xử lý triệt để các lỗi dùng từ, lỗi câu và lỗi văn bản. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên vận dụng được kiến thức và có kỹ năng để ứng dụng môn học này trong việc sửa ngọng hay dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cũng như học một ngôn ngữ khác hiệu quả hơn.
9	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học hiện đại và quá trình phát triển của nó. Ở cấp độ cơ bản, học phần trang bị cho người học kiến thức trọn vẹn về các phương pháp ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. *Ở cấp độ nâng cao*, học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng so sánh đối chiếu phục vụ thực tiễn cho việc học và sử dụng ngoại ngữ,

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			đặc biệt là hiểu rõ về giao thoa ngôn ngữ và phân tích lỗi. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên bước đầu biết vận dụng lí thuyết, áp dụng các phương pháp đối chiếu đã học để tìm hiểu sự giống và khác nhau cơ bản giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ khác phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu ngoại ngữ.
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các khái niệm cốt lõi, quy trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu khoa học phổ biến. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên vận dụng các phương pháp nghiên cứu, thực hiện các bước của quy trình nghiên cứu và các thao tác cơ bản trong thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu để giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên vận dụng kiến thức và phương pháp đã học để xác định vấn đề, xây dựng kế hoạch và từng bước thực hiện nghiên cứu phù hợp với trình độ đào tạo. Qua học phần, sinh viên từng bước hình thành năng lực nghiên cứu khoa học, tự học, tư duy sáng tạo, chủ động và khả năng thích ứng trong môi trường học tập, nghề nghiệp.
11	Tiếng Anh (Ngoại Ngữ 2) - HP1	3	Học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 1 là học phần đầu tiên trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate), bao gồm từ vựng, ngữ pháp và các chức năng giao tiếp cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào các thì hiện tại, quá khứ, hiện tại hoàn thành và các hình thức diễn đạt tương lai, mệnh đề quan hệ xác định, cấu trúc so sánh, đại từ và lượng từ bất định; đồng thời mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về gia đình, ẩm thực, du lịch, mua sắm và đời sống hằng ngày. Người học phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ:

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, tạo nền tảng cho học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 2.
12	Tiếng Anh (Ngoại Ngữ 2) – HP2	3	Học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 2 là học phần thứ hai trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate), giúp người học mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về sức khỏe, giáo dục, thể thao, động vật, các quốc gia và các mối quan hệ. Nội dung học phần tập trung vào các điểm ngữ pháp như động từ nguyên mẫu và danh động từ, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện loại 1 và loại 2, hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, thể bị động, câu tường thuật, cấu trúc *used to* và các cách diễn đạt sự chuyển động. Người học tiếp tục phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, tạo tiền đề cho học phần **Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 3**.
13	Tiếng Anh (Ngoại Ngữ 2) - HP3	3	Học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP **3** là học phần thứ ba và là học phần cuối trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ trung cấp (Intermediate), giúp người học củng cố và mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về ẩm thực, tiền tệ, giao thông, thể thao, gia đình và các mối quan hệ. Nội dung học phần tập trung vào các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn, mạo từ, cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và các cấu trúc diễn đạt thường dùng trong giao tiếp. Người học phát triển toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, góp phần phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, khả năng tự học và sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghề nghiệp và giao tiếp liên văn hóa, hướng tới đạt Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
14	Tiếng Trung (Ngoại Ngữ 2) - HP1	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ Hán, từ vựng và ngữ pháp tiếng Trung ở trình độ sơ cấp. Nội dung gồm các chủ đề giao tiếp quen thuộc như giới thiệu bản thân, gia đình, học tập, thời gian, địa điểm và sinh hoạt hằng ngày. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên nhận diện và phát âm đúng âm tiết, thanh điệu, đọc và viết các chữ Hán thông dụng, sử dụng câu đơn và mẫu câu cơ bản. Ở cấp độ nâng cao trong phạm vi học phần, sinh viên kết hợp các cấu trúc để nghe, đọc, trao đổi thông tin và viết đoạn ngắn. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên thực hiện nhiệm vụ giao tiếp, ghi âm, sử dụng học liệu số và tự đánh giá kết quả học tập. Học phần tạo nền tảng cho Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) HP2.
15	Tiếng Trung (Ngoại Ngữ 2) - HP2	3	Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng tiếng Trung ở trình độ sơ cấp, mở rộng từ vựng và ngữ pháp theo các chủ đề học tập, thời tiết, gọi đồ uống, giải trí, sân bay, tiếp đón, ăn uống, đi lại, du lịch, trang phục và giao tiếp khi đến nhà bạn. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên củng cố chữ Hán và cấu trúc đã học. Ở cấp độ nâng cao trong phạm vi học phần, sinh viên nghe, đọc ngữ liệu dài hơn, sử dụng câu liên kết và phản hồi phù hợp. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên thực hiện nhiệm vụ giao tiếp theo bối cảnh thực tế, ghi âm, viết đoạn ngắn và tự đánh giá. Học phần tạo tiền đề cho Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) HP3.
16	Tiếng Trung (Ngoại Ngữ 2) - HP3	3	Học phần củng cố và mở rộng kiến thức tiếng Trung ở trình độ sơ cấp nâng cao, tập trung vào các chủ đề sinh nhật, thể thao, so sánh, mua sắm, chuẩn bị thi, ẩm thực, khí hậu, học tiếng Trung, Tết và trải nghiệm du lịch. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên hệ thống hóa chữ Hán, từ vựng và cấu trúc

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			đã học. Ở cấp độ nâng cao trong phạm vi học phần, sinh viên sử dụng câu phức, bổ ngữ và cấu trúc so sánh để nghe, đọc, trình bày thông tin và kể trải nghiệm. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên thực hiện nhiệm vụ giao tiếp tổng hợp, phản hồi phù hợp về văn hóa, tự đánh giá và xây dựng kế hoạch duy trì ngoại ngữ thứ hai. Học phần hướng tới chuẩn đầu ra Ngoại ngữ 2 của chương trình đào tạo.
17	Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2)- HP1	3	Học phần Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) 1 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, bao gồm bảng chữ cái Hangul, quy tắc phát âm, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và các mẫu câu giao tiếp cơ bản. Nội dung học tập được triển khai theo các chủ đề quen thuộc trong đời sống, giúp người học từng bước phát triển năng lực nghe, nói, đọc và viết tiếng Hàn. Bên cạnh việc rèn luyện ngôn ngữ, học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về văn hóa và đời sống Hàn Quốc, qua đó hỗ trợ người học sử dụng tiếng Hàn phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp. Thông qua các hoạt động luyện tập và thực hành, người học hình thành khả năng giao tiếp ở những tình huống đơn giản, tạo nền tảng cho việc tiếp tục học tập tiếng Hàn ở các trình độ cao hơn.
18	Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2)- HP2	3	Học phần Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) 2 tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, trên cơ sở kiến thức đã được hình thành ở học phần Tiếng Hàn 1. Nội dung học phần tập trung cung cấp và mở rộng hệ thống từ vựng, ngữ pháp và các biểu hiện giao tiếp cơ bản theo những chủ đề gần gũi với đời sống, học tập và sinh hoạt hằng ngày. Người học được rèn luyện đồng thời bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động và bài tập ứng dụng, qua đó nâng cao khả năng sử dụng tiếng Hàn trong những tình huống giao tiếp thực tế. Bên cạnh kiến thức ngôn ngữ, học phần chú trọng luyện phát âm và cung cấp những hiểu biết cơ bản về văn hóa, đời sống và xã hội Hàn Quốc, giúp người học sử dụng tiếng Hàn phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp và bước đầu hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Hàn một cách tổng hợp.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
19	Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2)- HP3	3	Học phần Tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Hàn ở trình độ trung cấp, chú trọng khả năng sử dụng tiếng Hàn trong học tập, giao tiếp và các tình huống thực tế. Nội dung học phần được triển khai theo các chủ đề gần gũi như cuộc sống sinh viên, quan hệ xã hội, sức khỏe, mua sắm, ẩm thực, ngân hàng, tính cách, xin lỗi, nhà ở, du lịch, những mối lo lắng, Internet, ước mơ, phim ảnh, phép lịch sự và quy tắc xã hội. Người học được củng cố, mở rộng vốn từ vựng, ngữ pháp và các mẫu biểu hiện tiếng Hàn trung cấp, đồng thời phát triển đồng bộ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động thực hành và giao tiếp. Bên cạnh đó, học phần tích hợp nội dung tìm hiểu, so sánh văn hóa Hàn Quốc và Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa và khả năng tự học của người học.
20	Kỹ năng số	2	Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong khai thác, tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin trên môi trường số; giao tiếp, hợp tác và làm việc trực tuyến. Người học được thực hành sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) để sáng tạo nội dung, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày tài liệu và hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong học tập và công việc. Học phần đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng về an toàn, bảo mật thông tin, quyền riêng tư, bản quyền, đạo đức và ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số.
21	Khám phá AI	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh, bao gồm khả năng, giới hạn, tác động và các rủi ro khi sử dụng AI. Người học được thực hành kỹ thuật prompting, kiểm chứng và đánh giá đầu ra AI; ứng dụng các công cụ AI tạo sinh để hỗ trợ học tập, công việc và phát triển các sản phẩm số như văn bản, hình ảnh, video và ứng dụng đơn giản. Học phần đồng thời hình thành năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, chú trọng liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của người dùng đối với sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
22	Khởi nghiệp	3	Học phần Khởi nghiệp cung cấp bức tranh toàn cảnh về hành trình biến ý tưởng thành dự án thực tế thông qua việc tích hợp hai phương pháp luận cốt lõi là Design Thinking và Lean Startup. Môn học bắt đầu bằng tư duy Design Thinking để thấu hiểu người dùng và sáng tạo giải pháp, sau đó áp dụng Lean Startup nhằm xây dựng sản phẩm khả thi tối thiểu (MVP), thử nghiệm thị trường và cải tiến liên tục. Sinh viên tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh (BMC), lập kế hoạch tài chính, quản trị rủi ro và đặc biệt là rèn luyện kỹ năng trình bày dự án (pitching) chuyên nghiệp để thuyết phục nhà đầu tư. Học phần còn chú trọng kỹ năng truyền tải câu chuyện sản phẩm (storytelling), thiết kế slide gọi vốn thu hút và phản biện linh hoạt trước các chuyên gia. Tất cả được đúc kết qua dự án thực hành, giúp người học vừa nắm vững tư duy vận hành linh hoạt, vừa tự tin khởi nghiệp thành công.
23	Kỹ năng Nghe -Nói 1	4	Học phần trang bị kỹ năng nghe hiểu và giao tiếp nói tiếng Nhật sơ cấp, bám sát ngữ pháp, từ vựng, mẫu câu hội thoại trong 16 bài đầu Minna no Nihongo. Kiến thức cơ bản gồm phát âm chuẩn, ngữ điệu, nhịp điệu tiếng Nhật, các mẫu câu giao tiếp thường nhật (chào hỏi, mua sắm, hỏi đường, giới thiệu bản thân), kỹ năng nghe hiểu hội thoại ngắn. Ở mức nâng cao, sinh viên vận dụng lý thuyết nghe hiểu ý chính và chi tiết đoạn hội thoại dài hơn, luyện phản xạ nói tự nhiên, diễn đạt mạch lạc trong tình huống giao tiếp đa dạng. Học phần ứng dụng công nghệ hỗ trợ như phần mềm luyện nghe, nền tảng học trực tuyến, kết hợp phương pháp giảng dạy tương tác, đóng vai tình huống và luyện tập nhóm. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực tự tin giao tiếp, tư duy phản xạ ngôn ngữ, làm nền tảng cho các học phần nghe - nói nâng cao và ứng dụng thực tế trong môi trường làm việc bằng tiếng Nhật.
24	Kỹ năng Đọc-Viết 1	4	Học phần trang bị kỹ năng đọc hiểu và viết tiếng Nhật sơ cấp, bám sát ngữ pháp, từ vựng, chữ Hán trong 16 bài đầu Minna no Nihongo. Kiến thức cơ bản gồm hệ thống Hiragana, Katakana, Kanji

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			cơ bản, cấu trúc câu đơn, cách dùng trợ từ, mẫu câu giao tiếp thường nhật, kỹ thuật đọc lướt, đọc hiểu chi tiết và viết đoạn văn ngắn theo chủ đề quen thuộc. Ở mức nâng cao, sinh viên vận dụng lý thuyết phân tích văn bản, kỹ năng suy luận ngữ cảnh, viết bài có bố cục logic, mạch lạc. Học phần ứng dụng công nghệ hỗ trợ như phần mềm luyện Kanji, nền tảng học trực tuyến, công cụ tra cứu điện tử, kết hợp phương pháp giảng dạy tương tác, học theo dự án và tự đánh giá. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện khi tiếp cận văn bản đa dạng, làm nền tảng cho các học phần đọc - viết nâng cao và định hướng nghề nghiệp liên quan đến tiếng Nhật.
25	Ngữ pháp cơ sở 1	4	Học phần Ngữ pháp cơ sở 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hệ thống ngữ pháp tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp. Sinh viên được học các quy tắc cấu tạo câu đơn, cách sử dụng các từ loại cơ bản (danh từ, động từ, tính từ), trợ từ, các dạng chia động từ và tính từ, cùng những mẫu câu giao tiếp thông dụng trong đời sống hằng ngày. Bên cạnh việc hiểu ý nghĩa và chức năng của từng cấu trúc ngữ pháp, sinh viên được rèn luyện khả năng vận dụng vào các hoạt động nghe, nói, đọc và viết thông qua các tình huống giao tiếp cơ bản. Học phần góp phần hình thành nền tảng ngữ pháp vững chắc, tạo tiền đề cho việc phát triển năng lực sử dụng tiếng Nhật ở các học phần tiếp theo.
26	Kỹ năng Nghe -Nói 2	4	Học phần trang bị kỹ năng nghe hiểu và giao tiếp nói tiếng Nhật sơ cấp, bám sát ngữ pháp, từ vựng, mẫu câu hội thoại từ bài 17 đến bài 33 Minna no Nihongo. Kiến thức cơ bản gồm các mẫu câu sơ cấp mở rộng, thể lịch sự - thân mật, cách diễn đạt ý kiến, mong muốn, kinh nghiệm, kỹ năng nghe hiểu hội thoại theo chủ đề công việc, đời sống thường nhật. Ở mức nâng cao, sinh viên vận dụng lý thuyết ngữ dụng học, nghe hiểu đoạn hội thoại, bài nói dài hơn với tốc độ tự nhiên, luyện phản xạ nói linh hoạt, trình bày quan điểm cá nhân mạch lạc trong tình huống giao tiếp đa

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			dạng. Học phần ứng dụng công nghệ hỗ trợ như phần mềm luyện nghe, nền tảng học trực tuyến, kết hợp phương pháp giảng dạy tương tác, đóng vai tình huống và thảo luận nhóm. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực giao tiếp chủ động, tư duy phản xạ ngôn ngữ, làm nền tảng cho các học phần nghe - nói nâng cao và ứng dụng thực tế bằng tiếng Nhật.
27	Kỹ năng Đọc -Viết 2	4	Học phần trang bị kỹ năng đọc hiểu và viết tiếng Nhật sơ cấp, bám sát ngữ pháp, từ vựng, chữ Hán từ bài 17 đến bài 33 Minna no Nihongo. Kiến thức cơ bản gồm hệ thống Kanji mở rộng, các mẫu câu sơ cấp phức tạp hơn, cách diễn đạt ý kiến, mong muốn, kinh nghiệm, kỹ thuật đọc hiểu văn bản dài hơn, viết đoạn văn có liên kết theo chủ đề công việc, đời sống. Ở mức nâng cao, sinh viên vận dụng lý thuyết phân tích văn bản, kỹ năng suy luận ngữ cảnh, tóm tắt nội dung, viết bài có bố cục logic, mạch lạc, thể hiện quan điểm cá nhân. Học phần ứng dụng công nghệ hỗ trợ như phần mềm luyện Kanji, nền tảng học trực tuyến, công cụ tra cứu điện tử, kết hợp phương pháp giảng dạy tương tác, học theo dự án và tự đánh giá. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện khi tiếp cận văn bản đa dạng, làm nền tảng cho các học phần đọc - viết nâng cao và định hướng nghề nghiệp liên quan đến tiếng Nhật.
28	Ngữ pháp cơ sở 2	4	Học phần Ngữ pháp cơ sở 2 tiếp nối học phần Ngữ pháp cơ sở 1, giúp sinh viên mở rộng và hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp tiếng Nhật. Nội dung học phần tập trung vào các mẫu câu biểu thị quan hệ thời gian, điều kiện, nguyên nhân – kết quả, mục đích, khả năng, ý chí, kinh nghiệm, so sánh và các hình thức biểu đạt lịch sự trong giao tiếp. Sinh viên được hướng dẫn phân tích chức năng, sắc thái ý nghĩa và ngữ cảnh sử dụng của từng cấu trúc, đồng thời luyện tập vận dụng linh hoạt trong hội thoại, đọc hiểu và viết đoạn văn ngắn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng các cấu trúc ngữ pháp một cách chính xác và phù hợp với từng tình huống giao

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			tiếp, đáp ứng yêu cầu năng lực tiếng Nhật ở trình độ tương đương JLPT N4 và tạo nền tảng cho các học phần ngữ pháp trung cấp.
29	Kỹ năng Nghe -Nói 3	4	Học phần Kỹ năng Nghe 3 - Nói 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nghe hiểu, giao tiếp tiếng Nhật ở trình độ sơ trung cấp thông qua các tình huống giao tiếp trong đời sống, học tập và môi trường làm việc đơn giản. Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng nghe hiểu các đoạn hội thoại có tốc độ tự nhiên, nhận diện và vận dụng các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng đã học để thực hiện các hoạt động giao tiếp như trao đổi thông tin, xin phép, nhờ vả, đưa lời khuyên, trình bày ý kiến và phản hồi phù hợp với ngữ cảnh..Bên cạnh đó, học phần rèn luyện kỹ năng phát âm, ngữ điệu, trọng âm, phản xạ giao tiếp và khả năng sử dụng các biểu thức giao tiếp thông dụng, đồng thời bước đầu làm quen với cách sử dụng kính ngữ trong một số tình huống giao tiếp cơ bản. Thông qua các hoạt động nghe – nói tích hợp, sinh viên nâng cao năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật, phát triển khả năng tương tác, diễn đạt ý tưởng và ứng xử phù hợp với văn hóa giao tiếp của người Nhật.
30	Kỹ năng Đọc -Viết 3	4	Học phần Kỹ năng Đọc 3 - Viết 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng đọc hiểu, viết tiếng Nhật ở trình độ sơ trung cấp thông qua các dạng văn bản thường gặp trong học tập và đời sống. Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu các văn bản có độ dài và mức độ phù hợp với trình độ, khai thác thông tin chính, xác định ý quan trọng, suy luận nội dung và mở rộng vốn từ vựng, ngữ pháp cũng như hiểu biết về văn hóa – xã hội Nhật Bản. Song song với kỹ năng đọc, học phần rèn luyện kỹ năng viết các đoạn văn và văn bản ngắn theo đúng quy tắc trình bày trong tiếng Nhật; sử dụng phù hợp dấu câu, từ nối, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học để diễn đạt ý tưởng, trình bày thông tin, mô tả sự việc và nêu ý kiến cá nhân một cách mạch lạc, logic. Thông qua các

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			hoạt động đọc – viết tích hợp, sinh viên từng bước hình thành năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản, đáp ứng yêu cầu giao tiếp bằng văn bản trong học tập và đời sống.
31	Ngữ pháp TH trung cấp 1	3	Học phần Ngữ pháp Thực hành Trung cấp 1 trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Nhật ở trình độ sơ trung cấp, làm nền tảng cho việc phát triển đồng bộ các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong giao tiếp và học tập. Học phần giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp thường gặp để diễn đạt ý định, quan điểm, nguyên nhân, điều kiện, khả năng, kinh nghiệm và các nội dung giao tiếp phổ biến trong đời sống, học tập và công việc.Bên cạnh việc củng cố kiến thức ngữ pháp, học phần chú trọng rèn luyện khả năng vận dụng các cấu trúc ngữ pháp vào các tình huống giao tiếp thực tế thông qua các bài tập thực hành, hoạt động tương tác và xử lý ngữ cảnh. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng các cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong giao tiếp và tạo lập văn bản, đồng thời đạt năng lực tiếng Nhật tương đương trình độ JLPT N4, A2 theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) và Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tạo nền tảng cho các học phần tiếng Nhật ở trình độ cao hơn và đáp ứng yêu cầu học tập, thực tập cũng như định hướng nghề nghiệp.
32	Kỹ năng Nghe - Nói 4	4	Học phần Kỹ năng Nghe 4 - Nói 4 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nghe hiểu, giao tiếp tiếng Nhật ở trình độ trung cấp thông qua các tình huống trong học tập, đời sống và công việc. Sinh viên phát triển khả năng nghe hiểu hội thoại, bài nói có tốc độ tự nhiên; vận dụng từ vựng, ngữ pháp trung cấp để trao đổi thông tin, trình bày ý kiến, giải thích và phản hồi phù hợp với ngữ cảnh. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện kỹ năng phát âm, ngữ điệu, phản xạ giao tiếp và khả năng sử dụng kính ngữ trong một số tình huống nghề nghiệp cơ bản. Thông qua các hoạt động nghe – nói tích hợp, sinh viên nâng cao năng lực giao tiếp và ứng xử phù hợp với văn hóa giao tiếp của người Nhật.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
33	Kỹ năng Đọc - Viết 4	4	Học phần Kỹ năng Đọc 4 - Viết 4 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng đọc hiểu, viết tiếng Nhật ở trình độ trung cấp thông qua các văn bản về học tập, đời sống, văn hóa và xã hội. Sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu, xác định ý chính, khai thác thông tin và mở rộng vốn từ vựng, ngữ pháp phục vụ giao tiếp và học tập. Đồng thời, học phần rèn luyện kỹ năng viết các bài văn khoảng 300–500 chữ với bố cục rõ ràng, sử dụng phù hợp từ vựng, ngữ pháp và phương tiện liên kết để kể chuyện, miêu tả, trình bày quan điểm và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề quen thuộc. Qua đó, sinh viên nâng cao năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản bằng tiếng Nhật.
34	Ngữ pháp TH trung cấp 2	2	Học phần Ngữ pháp Thực hành Trung cấp 2 trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Nhật ở trình độ trung cấp, tạo nền tảng phát triển đồng bộ các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Sinh viên nắm vững và vận dụng các cấu trúc ngữ pháp dùng để diễn đạt quan điểm, so sánh, suy đoán, điều kiện, nguyên nhân – kết quả, giải thích và các chức năng giao tiếp thường gặp trong học tập, đời sống và công việc.Thông qua các hoạt động thực hành theo ngữ cảnh, sinh viên phát triển khả năng vận dụng ngữ pháp kết hợp với từ vựng trong giao tiếp và tạo lập văn bản, đạt năng lực tiếng Nhật tương đương JLPT N3, B1 theo CEFR và Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
35	Kỹ năng nghe - nói 5	4	Kỹ năng Nghe – Nói 5 là học phần tích hợp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên năm thứ ba, hình thành từ việc gộp hai học phần Kỹ năng Nghe 5 và Kỹ năng Nói 5. Phần Nghe phát triển năng lực nghe hiểu tiếng Nhật trình độ N3–N2 thông qua các bài nghe có độ dài và độ phức tạp tăng dần về các chủ đề đời sống, văn hóa, khoa học và xã hội Nhật Bản; luyện tập các dạng bài nghe theo định dạng thi năng lực tiếng Nhật gồm nắm bắt điểm chính, hiểu yêu cầu, khái quát vấn đề, diễn đạt lời nói và phản xạ nhanh. Phần Nói rèn luyện kỹ năng thuyết trình, tranh luận và thảo luận nhóm về các vấn đề văn hóa, xã hội; luyện tập phỏng vấn xin việc theo hình thức cá

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nhân và nhóm với sử dụng kính ngữ phù hợp. Hai kỹ năng được tích hợp thông qua các hoạt động nghe – phản hồi – trình bày theo chuỗi, giúp sinh viên phát triển đồng thời năng lực tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ ở trình độ trung cao cấp.
36	Kỹ năng đọc - viết 5	4	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng đọc – viết tiếng Nhật ở trình độ trung cấp. Phần đọc, nội dung gồm các văn bản rèn luyện khả năng phân tích, suy luận, nắm bắt thông tin, ý chính và quan điểm của tác giả. Phần viết, gồm các bài viết rèn luyện kĩ năng miêu tả, giải thích, so sánh, nêu ý kiến, viết luận và trình bày dữ liệu bằng biểu đồ được hướng dẫn thực hiện theo quy trình thảo luận, lập dàn ý, viết và phản hồi nhằm phát triển năng lực diễn đạt. Học phần góp phần nâng cao khả năng đọc hiểu và phân tích văn bản; diễn đạt mạch lạc, phù hợp ngữ cảnh; đồng thời phát triển tư duy phản biện, năng lực giao tiếp học thuật đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và công việc.
37	Ngữ pháp Trung cao cấp	2	Học phần Ngữ pháp Trung cao cấp cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Nhật ở trình độ trung cao cấp, dựa trên lý thuyết ngữ pháp chức năng và phương pháp giao tiếp, tạo nền tảng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Nhật trong học tập, nghiên cứu và giao tiếp. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên nắm vững các cấu trúc ngữ pháp trung cao cấp diễn đạt quan điểm, suy luận, đánh giá, nhấn mạnh, giả định, nguyên nhân – kết quả và mục đích. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên rèn luyện khả năng vận dụng linh hoạt ngữ pháp kết hợp với từ vựng trong nghe, nói, đọc, viết thông qua hoạt động thực hành theo ngữ cảnh, hình thành kỹ năng phân tích, lựa chọn cấu trúc phù hợp với các sắc thái biểu đạt tinh tế trong văn bản và tình huống giao tiếp đa dạng. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực tự nghiên cứu, tạo lập văn bản học thuật và giao tiếp phức tạp, đạt trình độ tương đương JLPT N2, B2 theo CEFR và Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc cho định hướng học tập chuyên sâu và nghề nghiệp.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
38	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngữ âm tiếng Nhật, làm cơ sở cho việc rèn luyện phát âm và nghiên cứu ngôn ngữ Nhật Bản. Học phần tập trung vào các nội dung: cơ quan và cơ chế cấu âm; cấu âm của nguyên âm, phụ âm và hệ thống kí hiệu ngữ âm quốc tế của tiếng Nhật; âm tiết và phách; các hiện tượng ngữ âm đặc thù của tiếng Nhật; trọng âm và ngữ điệu; âm vị, hệ thống kí hiệu âm vị và các quy luật âm vị trong tiếng Nhật; các phương pháp như quan sát, miêu tả, so sánh đối chiếu. Học phần góp phần nâng cao năng lực phát âm, phân tích và giải thích các hiện tượng ngữ âm; tạo nền tảng cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngữ âm tiếng Nhật.
39	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Nhật, làm cơ sở cho việc học tập, sử dụng và nghiên cứu tiếng Nhật. Học phần gồm các nội dung như: đặc trưng cơ bản của ngữ pháp tiếng Nhật; thành phần, cấu trúc và các kiểu câu; đặc điểm, phân loại và chức năng ngữ pháp của các từ loại gồm danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, phó từ, liên thể từ, liên từ, trợ từ, trợ động từ và cảm thán từ; các phương pháp như miêu tả ngữ pháp, phân tích cú pháp, so sánh đối chiếu. Học phần góp phần nâng cao khả năng phân tích và giải thích hiện tượng ngữ pháp, phát triển tư duy ngữ pháp hệ thống, tạo nền tảng cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngữ pháp tiếng Nhật.
40	Từ vựng học tiếng Nhật	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng tiếng Nhật, làm cơ sở cho việc học tập, sử dụng từ vựng tiếng Nhật và nghiên cứu ngôn ngữ Nhật Bản. Học phần tập trung vào các nội dung như: khái niệm và hệ thống từ vựng; định lượng và phân loại từ vựng; cấu tạo từ và các phương thức tạo từ; nghĩa từ; mối quan hệ giữa từ vựng và các yếu tố xã hội; các phương pháp nghiên cứu như thống kê từ vựng, phân tích ngữ nghĩa, so sánh đối chiếu, bối cảnh hoá. Học phần góp phần nâng cao khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng từ vựng, năng lực sử dụng từ

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			vựng, đồng thời tạo nền tảng kiến thức chuyên ngành đáp ứng việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu từ vựng tiếng Nhật.
41	Tiếng Nhật thương mại (tự chọn)	2	Tiếng Nhật thương mại là học phần chuyên ngành cung cấp khái niệm, kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, văn hóa giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp Nhật Bản, gồm hệ thống kính ngữ, cấu trúc email công việc, quy tắc ứng xử công sở. Ở mức cơ bản, sinh viên nắm mẫu câu kính ngữ, cấu trúc email chuẩn; ở mức nâng cao, vận dụng linh hoạt kính ngữ, kỹ năng viết email vào tình huống thương mại cụ thể như chào hỏi, nhờ vả, từ chối, xin lỗi, cảm ơn, đồng thời phân tích case study doanh nghiệp thực tế; ở mức mở rộng, phát triển kỹ năng thuyết trình, tư duy phản biện, chuẩn bị hồ sơ xin việc gồm CV, tự giới thiệu, phỏng vấn. Học phần dùng phương pháp tình huống, đóng vai, thực hành nhóm, thuyết trình; sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin soạn email, xây dựng bài thuyết trình, tra cứu thông tin doanh nghiệp. Học phần trang bị năng lực giao tiếp thiết thực, mở ra triển vọng làm việc tại doanh nghiệp Nhật Bản, biên phiên dịch thương mại, nhân viên văn phòng.
42	Dịch nói 1	4	Dịch nói 1 là học phần thực hành phiên dịch nói nhập môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ ba. Ở cấp độ cơ bản, học phần cung cấp các khái niệm nền tảng về phiên dịch nói: định nghĩa, phân loại hình thức dịch, quy trình và phương pháp luận dịch nói; lý thuyết về tính tương đương dịch thuật; các bước phân tích văn bản từ cấp độ từ đến câu và đoạn. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên luyện tập dịch xuôi (Nhật→Việt) các đoạn tin tức ngắn từ NHK Easy News và dịch ngược (Việt→Nhật) theo hệ thống câu mẫu tăng dần độ phức tạp; rèn kỹ thuật nhận diện từ khóa, ghi chép tóm tắt và xử lý lỗi thường gặp. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên khai thác học liệu số, tự rèn luyện bằng bản tin NHK, phát triển năng lực tự đánh giá và điều chỉnh chất lượng bản dịch, hướng đến ứng dụng thực tiễn nghề phiên dịch.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
43	Dịch viết 1	4	Dịch viết 1 là học phần thuộc khối kiến thức ngành chính, cung cấp khái niệm, lý thuyết nền tảng về dịch thuật: phân biệt phiên dịch - biên dịch, các phương thức dịch, các bước biên dịch và đặc trưng ngôn ngữ biên dịch của tiếng Nhật, tiếng Việt. Ở mức cơ bản, sinh viên nắm khái niệm, quy trình biên dịch, luyện dịch câu, đoạn văn hai chiều Nhật - Việt, Việt - Nhật; ở mức nâng cao, vận dụng từ vựng, kiến thức chuyên ngành để dịch văn bản đa lĩnh vực như chính trị, kinh tế, môi trường, văn hóa, ngôn ngữ, kỹ thuật, sức khỏe; ở mức mở rộng, sử dụng công cụ hỗ trợ dịch thuật, rèn kỹ năng tra cứu, đánh giá, tối ưu bản dịch. Học phần dùng phương pháp thực hành dịch theo chủ đề, phân tích lỗi, thảo luận nhóm; sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin, từ điển trực tuyến, phần mềm hỗ trợ dịch thuật chuyên dụng. Học phần đặt nền tảng biên dịch chuyên nghiệp, mở triển vọng học tiếp và làm việc trong lĩnh vực biên - phiên dịch.
44	Dịch nói 2	4	Dịch nói 2 là học phần thực hành phiên dịch nói trình độ trung cao cấp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, tiếp nối Dịch nói 1. Ở cấp độ cơ bản, học phần củng cố lý luận về các hình thức và phương thức dịch nói; hệ thống hóa và phân loại thuật ngữ chuyên ngành Nhật–Việt theo chủ đề đời sống, môi trường, chính sách đối ngoại, sản xuất–xuất khẩu, phúc lợi xã hội và nông nghiệp. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên luyện tập dịch nối tiếp hai chiều với các bài nghe như diễn thuyết và bản tin NHK có độ phức tạp tăng dần; rèn kỹ thuật nhận diện thông tin trọng tâm, xử lý câu dài và nâng cao tốc độ dịch. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên xây dựng bộ từ điển thuật ngữ cá nhân, ứng dụng công nghệ tìm kiếm thông tin chuyên ngành, phát triển năng lực làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp phiên dịch.
45	Dịch viết 2	4	Dịch viết 2 là học phần chuyên ngành bắt buộc của ngành Ngôn ngữ Nhật, tiếp nối học phần dịch viết 1. Học phần cung cấp kiến thức và phương pháp luận về dịch viết Nhật – Việt và Việt – Nhật ở trình độ trung cao cấp. Học phần trang bị một số khái niệm, nguyên tắc, lý thuyết và chiến lược

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			dịch; phương pháp phân tích văn bản, xử lý thuật ngữ, chuyển tải yếu tố ngôn ngữ và văn hóa, hiệu đính và đánh giá chất lượng bản dịch. Người học thực hành dịch các văn bản thuộc lĩnh vực hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại, du lịch, giáo dục và truyền thông, đồng thời khai thác hiệu quả từ điển điện tử, kho ngữ liệu và các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ quá trình dịch thuật. Học phần áp dụng phương pháp thực hành, nghiên cứu tình huống, học theo dự án và phản biện bản dịch nhằm phát triển tư duy phân tích, năng lực giải quyết vấn đề, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh chuyển đổi số, tạo nền tảng cho các học phần dịch thuật nâng cao và hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.
46	Đất nước học	2	Đất nước học là học phần chuyên ngành cung cấp hệ thống kiến thức tổng quan về Nhật Bản. Ở cấp độ cơ bản, học phần trình bày các khái niệm và nội dung kiến thức cốt lõi về địa lý, lịch sử, dân số, đời sống, bốn mùa, ẩm thực, giao thông, nghệ thuật sân khấu truyền thống và nghệ thuật đạo (芸道) của Nhật Bản. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên phân tích và lý giải các vấn đề về giáo dục, gia đình hiện đại, lao động, chính trị, kinh tế và hiến pháp Nhật Bản thông qua phương pháp phân tích–tổng hợp, so sánh–lịch sử và nghiên cứu liên ngành. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin và nguồn dữ liệu internet để cập nhật thông tin, thực hành thuyết trình nhóm và tranh luận, đồng thời hình thành năng lực độc lập trong định hướng đề tài nghiên cứu khoa học và khóa luận tốt nghiệp.
47	Văn học Nhật Bản	2	Văn học Nhật Bản là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống khái niệm và lý thuyết nền tảng về tiến trình văn học sử Nhật Bản qua các thời kỳ Nara, Heian, Kamakura, Edo, Meiji, Taisho–Showa–Heisei, gắn với bối cảnh lịch sử, tư tưởng, tôn giáo và đặc trưng thẩm mỹ của từng giai đoạn. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên nắm được mốc lịch sử, tác giả, tác phẩm tiêu biểu; ở cấp độ nâng cao, sinh viên vận dụng phương pháp nghiên cứu văn học (phân tích văn bản, so sánh, liên hệ bối

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			cảnh xã hội) để đọc dịch và lý giải tác phẩm; ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực phản biện, đánh giá độc lập giá trị tư tưởng – nghệ thuật của tác phẩm và liên hệ với văn học, văn hóa đương đại. Trong quá trình học, sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ số để tra cứu, biên soạn tài liệu, làm báo cáo và thuyết trình. Học phần góp phần hình thành nền tảng học thuật, năng lực dịch thuật và tư duy nghiên cứu liên ngành cho định hướng nghề nghiệp biên phiên dịch, giảng dạy tiếng Nhật.
48	Tiếng Nhật du lịch (tự chọn)	2	Tiếng Nhật du lịch là học phần tự chọn cung cấp kiến thức chuyên biệt về lĩnh vực du lịch Nhật Bản. Ở cấp độ cơ bản, học phần giới thiệu các khái niệm về đặc điểm địa lý–tự nhiên, loại hình du lịch theo mùa và theo vùng, di sản thế giới, ẩm thực, lễ hội truyền thống, nghệ thuật sân khấu và hệ thống thuật ngữ tiếng Nhật chuyên ngành du lịch. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên phân tích chính sách phát triển du lịch Nhật Bản qua các giai đoạn; đọc hiểu văn bản tài liệu tiếng Nhật về du lịch; rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Nhật và so sánh đối chiếu với thực tiễn du lịch Việt Nam. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên khai thác học liệu số và công cụ tìm kiếm để xây dựng bài thuyết trình đa phương tiện, phát triển tư duy nghề nghiệp hướng đến các lĩnh vực hướng dẫn du lịch, phiên dịch và truyền thông đối ngoại Nhật–Việt.
49	Chuyên đề tốt nghiệp	4	Chuyên đề tổng hợp là học phần tích hợp nhằm vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong môi trường thực tiễn. Học phần bao gồm thực tập tại doanh nghiệp, tổ chức hoặc đơn vị sử dụng tiếng Nhật và xây dựng báo cáo thực tập bằng tiếng Nhật theo chuẩn mực học thuật. Nội dung học phần tập trung vào quy trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin; phương pháp quan sát, khảo sát và trình bày kết quả nghiên cứu; vận dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các công cụ số trong xử lý dữ liệu và biên soạn báo cáo. Học phần góp phần phát triển năng lực thực hiện

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nhiệm vụ chuyên môn, trình bày nghiên cứu và chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp.
50	Khóa luận tốt nghiệp	8	Khóa luận tốt nghiệp là học phần tổng hợp nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu để thực hiện một đề tài thuộc lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa hoặc giảng dạy tiếng Nhật. Nội dung học phần bao gồm lựa chọn và triển khai đề tài; thu thập, xử lý, phân tích và tổng hợp dữ liệu; vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp; trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu theo chuẩn mực học thuật. Trong quá trình thực hiện khóa luận, sinh viên vận dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các công cụ số hỗ trợ nghiên cứu, xử lý dữ liệu và hoàn thiện sản phẩm. Học phần góp phần củng cố năng lực nghiên cứu ứng dụng, tư duy học thuật và phát triển năng lực chuyên môn của người học.
51	Dịch nói 3	4	Dịch nói 3 là học phần thực hành phiên dịch nói trình độ trung-cao cấp dành cho sinh viên năm thứ tư, tiếp nối và nâng cao so với Dịch nói 1, 2. Ở cấp độ cơ bản, học phần đào sâu lý luận về phiên dịch nối tiếp (consecutive interpreting): lý thuyết ghi chú (note-taking theory), nguyên tắc tái cấu trúc ngôn ngữ và kỹ thuật xử lý tình huống khi thiếu thông tin. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên luyện tập dịch hai chiều Nhật–Việt và Việt–Nhật các chủ đề chuyên ngành gồm kinh tế, nông nghiệp, chính sách đối ngoại và quan hệ Việt–Nhật; rèn kỹ năng nghe–ghi chép–tái hiện theo phương pháp tốc ký phiên dịch. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên ứng dụng học liệu đa phương tiện và nguồn tin thời sự Nhật Bản, xây dựng vốn thuật ngữ chuyên ngành cá nhân, phát triển năng lực tự học và đạo đức nghề nghiệp hướng đến thị trường phiên dịch chuyên nghiệp.
52	Dịch viết 3	4	Học phần Dịch viết 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của ngành Ngôn ngữ Nhật, trang bị cho người học kiến thức và phương pháp luận về dịch viết Nhật – Việt và Việt – Nhật ở trình độ cao cấp. Học phần cung cấp các khái niệm, lý thuyết và chiến lược dịch chuyên sâu;

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			phương pháp phân tích văn bản, xử lý thuật ngữ, chuyển tải phong cách ngôn ngữ và yếu tố văn hóa trong các văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, hợp đồng và tài liệu chuyên môn. Người học được thực hành dịch, hiệu đính và đánh giá chất lượng bản dịch thông qua các tình huống nghề nghiệp, đồng thời khai thác hiệu quả từ điển điện tử, nguồn tư liệu trực tuyến và các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ quá trình dịch thuật. Học phần áp dụng phương pháp thực hành, nghiên cứu tình huống, thảo luận và phản biện bản dịch nhằm phát triển tư duy phân tích, năng lực giải quyết vấn đề, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu của hoạt động biên dịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB,GV, NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo: Ngày 10 tháng 08 năm 2026

DUYỆT **HIỆU TRƯỞNG**	**TRƯỞNG KHOA**
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS. TS. Vũ Kim Bảng**